

Số: 1864/QĐ-HĐXT

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt danh sách trúng tuyển trình độ Tiến sĩ đợt 1 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH ĐỢT 1 NĂM 2026

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ Trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12/04/2021 của Chủ tịch Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết 191/NQ-HĐHV ngày 24/04/2025 của Chủ tịch Hội đồng Học viện về việc Điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-HV ngày 22/04/2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1204/QĐ-HV ngày 04/05/2026 về việc thành lập Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh đợt 1 năm 2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Biên bản họp ngày 25/06/2026 của Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh đợt 1 năm 2026;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Nay phê duyệt **Danh sách trúng tuyển trình độ Tiến sĩ Đợt 1 năm 2026** của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông gồm **33 nghiên cứu sinh** (Danh sách kèm theo). Trong đó:

- Chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông:	03 NCS
- Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử:	03 NCS
- Chuyên ngành Kỹ thuật máy tính:	05 NCS
- Chuyên ngành Hệ thống thông tin:	11 NCS
- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh:	11 NCS

**Điều 2:** Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng: Đào tạo, Tài chính kế toán, Giáo vụ, Trưởng Khoa Đào tạo sau đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và các ứng viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *thuc*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Giám đốc HV (để b/c);
- Lưu VT, HĐXTNCS (6).



PGS.TS. Trần Quang Anh

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH ĐỢT 1 NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1864/QĐ-HĐXT ngày 25 tháng 06 năm 2026 của Giám đốc Học viện)

TT	Họ và đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành trúng tuyển	Mã ngành	Kết quả xét tuyển			Ghi chú
							Điểm đánh giá hồ sơ	Điểm chấm BCDH	Điểm trung bình (HS+BCDH)	
1	Hàn Minh	Châu	Nam	28/05/1980	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	69.2	70.2	69.7	
2	Phạm Chí	Công	Nam	28/12/1978	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	68.4	68.4	68.4	
3	Phạm Tiến	Đức	Nam	14/09/1998	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	64.0	68.0	66.0	
4	Phan Nghĩa	Hiệp	Nam	03/01/1986	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	75.0	78.0	76.5	
5	Lâm Duy	Quý	Nam	30/01/1985	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	70.0	76.0	73.0	
6	Nguyễn Thái	Son	Nam	04/01/1996	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	76.2	75.2	75.7	Học BSKT
7	Nguyễn Hồng Anh	Tấn	Nam	25/11/1997	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	65.8	66.8	66.3	
8	Hà Như	Thái	Nam	15/10/1997	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	57.2	59.6	58.4	
9	Nguyễn Văn	Thành	Nam	23/06/1978	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	64.2	71.2	67.7	
10	Lê Mạnh	Toàn	Nam	11/01/2003	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	66.4	62.0	64.2	Học BSKT
11	Ninh Thị Thu	Trang	Nữ	08/05/1993	Hệ thống thông tin	9.48.01.04	73.0	79.0	76.0	
12	Phạm Đức	Cường	Nam	07/11/1997	Kỹ thuật máy tính	9.48.01.06	71.0	73.0	72.0	
13	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	18/12/1997	Kỹ thuật máy tính	9.48.01.06	68.0	73.0	70.5	
14	Trương Đông	Nam	Nam	15/05/1987	Kỹ thuật máy tính	9.48.01.06	65.0	69.0	67.0	
15	Lê Hà	Thanh	Nam	23/05/1975	Kỹ thuật máy tính	9.48.01.06	75.6	73.6	74.6	
16	Vũ Văn	Thương	Nam	28/01/1990	Kỹ thuật máy tính	9.48.01.06	71.0	73.0	72.0	Học BSKT
17	Trần Đình	Đạt	Nam	10/04/1995	Kỹ thuật viễn thông	9.52.02.08	78.8	79.8	79.3	Học BSKT
18	Phạm Văn	Hà	Nam	08/08/1988	Kỹ thuật viễn thông	9.52.02.08	74.8	81.4	78.1	
19	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	12/03/1986	Kỹ thuật viễn thông	9.52.02.08	80.0	81.2	80.6	Học BSKT
20	Nguyễn Quang	Biên	Nam	23/11/1998	Kỹ thuật điện tử	9.52.02.03	74.2	79.6	76.9	
21	Ngô Đình	Phong	Nam	16/07/1987	Kỹ thuật điện tử	9.52.02.03	74.8	78.8	76.8	
22	Vương Việt	Thao	Nam	01/02/2000	Kỹ thuật điện tử	9.52.02.03	75.6	81.2	78.4	
23	Phạm Tuyết Hạnh	Hà	Nữ	29/10/1984	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	67.0	70.0	68.5	
24	Nguyễn Hoàng	Hào	Nữ	09/12/1994	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	71.0	70.0	70.5	
25	Nguyễn Ngọc	Hưng	Nam	21/07/1994	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	72.0	75.2	73.6	Học BSKT
26	Vũ Thị Thu	Huyền	Nữ	01/12/1984	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	60.0	60.0	60.0	Học BSKT
27	Trần Thị Khánh	Li	Nữ	15/07/1988	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	62.0	70.0	66.0	
28	Phạm Thị	Linh	Nữ	13/10/1988	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	75.0	75.0	75.0	Học BSKT
29	Lê Hoàng	Mai	Nữ	03/04/1984	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	62.0	75.0	68.5	Học BSKT



*Handwritten signature*

TT	Họ và đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành trúng tuyển	Mã ngành	Kết quả xét tuyển			Ghi chú
							Điểm đánh giá hồ sơ	Điểm chấm BCDH	Điểm trung bình (HS+BCDH)	
30	Bùi Đoàn	Quảng	Nam	08/10/1999	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	61.0	70.0	65.5	Học BSKT
31	Nguyễn Văn	Sang	Nam	20/05/1972	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	55.0	60.0	57.5	
32	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	21/09/1980	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	67.0	70.0	68.5	
33	Hoàng Kiên	Trung	Nam	07/12/1991	Quản trị kinh doanh	9.34.01.01	60.0	70.0	65.0	

Danh sách gồm: 33 NCS

*Handwritten mark*

LẬP BIỂU



Đinh Thị Bích Hạnh

